

## XU HƯỚNG VÀ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHỌN LỰA NGHỀ CỦA THANH NIÊN NGOẠI THÀNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thảo<sup>(1)</sup>

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 20/5/2019; Ngày gửi phản biện 25/5/2019; Chấp nhận đăng 30/7/2019

Liên hệ: thao3vn@hcmussh.edu.vn

### **Tóm tắt**

Bài viết tìm hiểu những xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên tại năm huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh và các yếu tố tác động đến sự lựa chọn này. Nghiên cứu được thiết kế theo hướng định lượng, dữ liệu thu thập dựa vào công cụ bảng hỏi cấu trúc với sự tham gia trả lời của 500 thông tin viên ở 5 huyện ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy ba nhóm ngành nghề phổ biến được người trả lời chọn lựa gồm những công việc trong nhóm ngành du lịch như: hướng dẫn viên du lịch, đầu bếp, quản trị nhà hàng khách sạn, quản trị du lịch và phục vụ. Nhóm ngành thứ hai là ngành giáo dục, điển hình như nghề giáo viên, giảng viên hoặc huấn luyện viên. Nhóm ngành thứ ba là ngành bao gồm các công việc như cảnh sát nhân dân, công an và luật sư. Các ngành nghề này có đặc điểm như sau: nghề phù hợp với sở thích cá nhân, với đặc điểm và tính cách của cá nhân, khẳng định được khả năng làm việc của bản thân và dễ kiếm nhiều tiền. Những xu hướng này do 2 yếu tố tác động: (1) mạng lưới xã hội và (2) phương tiện truyền thông. Trong đó, mạng lưới xã hội từ gia đình có sự tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của người trả lời nhiều hơn là mạng lưới xã hội từ bạn bè và cộng đồng xung quanh. Riêng đối với các phương tiện truyền thông thì báo mạng là một trong những kênh có tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của người trả lời khá nhiều so với các loại hình khác.

**Từ khóa:** chọn lựa nghề, thanh niên, xu hướng, yếu tố tác động

### **Abstract**

#### **TRENDS AND FACTORS AFFECTING CAREER CHOICES OF SUBURBAN YOUTH IN HCMC**

The paper focuses on understanding the youth career trends in five suburban districts of Ho Chi Minh City and the factors affecting this choice. Research is designed by quantitative method, data collected based on a structured questionnaire with the participation of 500 informants in 5 suburban districts of Ho Chi Minh City. The study results show that 03 popular occupation groups are selected by respondents including those in tourism industry such as tour guides, chefs, hotel restaurant managers, tourism managers and service. The results of the study show that three popular occupation groups are selected by respondents. The first group includes jobs in the tourism industry such as tour guides, chefs, hotel

*restaurant managers, travel management and catering. The second sector is the education sector, typically teachers, lecturers or trainers. The third sector is the group ensuring security order and law comprising police and lawyers. The choice of career is based on such characteristics as: suitable and favorite job, professional ability and well-paid jobs. These trends are caused by two factors: (1) social networks and (2) media. In particular, social networks from families have an impact on career choices of respondents more than social networks from friends and surrounding communities. Particularly for the media, online newspapers are one of the channels that affect the career choices of respondents more than other types.*

---

## **1. Đặt vấn đề**

Theo một số nhận định chung, công việc chiếm một phần ba cuộc đời của chúng ta. Hầu như mỗi người, khi trưởng thành, đều sẽ làm việc mỗi ngày cho đến lúc nghỉ hưu. Việc có công việc ổn định, phù hợp với khả năng, sở thích sẽ giúp cho người lao động yên tâm, gắn bó hơn với nghề nghiệp của mình, góp phần đóng góp cho xã hội nguồn lực lao động hữu hiệu. Do đó, chọn lựa công việc như thế nào để có thể theo đuổi và thực hiện công việc trong suốt quá trình tham gia vào lực lượng lao động của xã hội là một nội dung quan trọng đối với mỗi cá nhân nói riêng và góp phần củng cố chất lượng của nguồn nhân lực của xã hội nói chung. Với tầm quan trọng ấy, việc định hướng và chọn lựa nghề nghiệp từ giai đoạn đầu, trước khi lập nghiệp là một khâu quan trọng, giúp thanh niên định hướng và chuẩn bị thật tốt cho công việc tương lai.

## **2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu**

Nhiều nghiên cứu về truyền thông đại chúng trên thế giới từ những năm 30 của thế kỷ 20 đến nay đã nhận định về sức mạnh to lớn, tầm ảnh hưởng của các hoạt động truyền thông đại chúng đến suy nghĩ và hành động của công chúng. Thanh niên ngày nay đã và đang tiếp cận dễ dàng với các thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng, và ngày càng chịu ảnh hưởng lớn bởi những thông điệp được chuyển tải trên các kênh thông tin ấy. Một câu hỏi lớn đặt ra là các hoạt động truyền thông đã ảnh hưởng như thế nào đến khuynh hướng chọn lựa nghề nghiệp tương lai của giới trẻ.

Tại Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu và phân tích về các yếu tố tác động tới việc lựa chọn ngành học và việc làm của thanh niên. Nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ những yếu tố tác động tới việc lựa chọn trường đại học và ngành học tại bậc đại học của thanh niên, và qua đó xác định những nhân tố tác động tới việc lựa chọn nghề nghiệp của họ. Điển hình như, để có hành vi chọn nghề phù hợp, học sinh được tư vấn để có nhận thức thông tin chính xác, đầy đủ về: (1) Các ngành nghề trong xã hội và địa phương trong điều kiện, khả năng hiện nay; (2) Đặc điểm của nghề hoặc một số nghề sẽ chọn (đặc điểm của nghề, nhiệm vụ công việc cụ thể của những người làm nghề này; sản phẩm chủ yếu của nghề; những nơi làm việc của nghề...); (3) Những yêu cầu của nghề: về trình độ chuyên môn, về sức khỏe, đặc điểm tâm lý; (4) cơ hội việc làm trong tương lai, đặc điểm

của trường; năng lực của học sinh; ảnh hưởng của đối tượng tham chiếu; cơ hội học tập cao hơn; (5) người thân trong gia đình; người thân ngoài gia đình (Lê Đức Phúc, 1984; Nguyễn Minh Hà, 2012; Nguyễn Thị Lan Hương, 2012; Trần Văn Quý, Cao Hào Thi, 2009). Hay Phạm Ngọc Linh (2013) trong công trình luận án tiến sĩ Tâm lý học *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông* đã nêu những yếu tố tác động tới việc lựa chọn nghề của học sinh bao gồm: trình độ chuyên môn, thái độ, kỹ năng của người tư vấn; nhận thức, nhu cầu, hành vi đi dự tư vấn hướng nghiệp của học sinh; yếu tố môi trường bao gồm nhà trường, gia đình và xã hội trong đó có vai trò của phương tiện truyền thông (Bandura, Barbaranelli, Caprara, and Pastorelli, 2001; James, 2000).

Nhìn chung, những nghiên cứu chưa có chuyên luận quan tâm đến mối tương quan giữa hoạt động truyền thông đến việc chọn lựa nghề nghiệp của thanh niên, đặc biệt là thanh niên khu vực TPHCM. Các công trình chuyên về mảng riêng như hoạt động truyền thông, các yếu tố, đặc điểm nghề nghiệp... Vì thế, trong bài viết này chúng tôi tập trung tìm hiểu những mảng nghề nghiệp mà thanh niên ngoại thành lựa chọn và xem xét yếu tố truyền thông đã tác động như thế nào đến sự lựa chọn này.

Toàn bộ dữ liệu được thu thập bởi hai phương pháp chủ yếu là nghiên cứu thư tịch, tài liệu thứ cấp và điều tra khảo sát trực tuyến 500 đối tượng ở 5 huyện ngoại thành của thành phố Hồ Chí Minh. *Phương pháp nghiên cứu thư tịch*: Dựa trên thông tin thứ cấp qua việc tìm hiểu về vùng ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), tổng hợp và phân tích tài liệu theo các chủ đề chính có liên quan để nhận diện những đặc điểm chung của bối cảnh khu vực này dựa trên phương pháp sử học, điền dã dân tộc học và nghiên cứu thư tịch. *Phương pháp điều tra khảo sát trực tuyến bằng bảng hỏi* nhằm tìm ra xu hướng chọn lựa nghề của thanh niên (cách thức thực hiện sẽ được trình bày trong mục 2.2 và mục 4.1) phân tích các yếu tố (sẽ trình bày trong chương 4) chi phối đến việc chọn lựa nghề của thanh niên chủ yếu dựa vào các định hướng thông tin (bao gồm cả truyền thông liên cá nhân và truyền thông đại chúng), truyền thống nghề nghiệp của gia đình, điều kiện học nghề, sự chuyển đổi kinh tế xã hội trong vùng... Bên cạnh đó, các nguồn tài liệu từ các trang web trên mạng internet về hoạt động tư vấn hướng nghiệp, dự đoán xu hướng ngành nghề có liên quan cũng được chúng tôi tham khảo bổ sung thêm cho đề tài.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Đặc điểm của nhóm đối tượng tham gia thực hiện khảo sát

*Đặc điểm về giới tính*: Dựa theo kết quả nghiên cứu số lượng nữ tham gia trả lời chiếm gấp 2 lần số lượng người trả lời (NTL) là nam với tỷ lệ tương ứng là 70% và 30%. Nếu xét kết quả điều tra dân số 2017 của Cục Thống kê TPHCM năm 2017, tỷ lệ nữ cũng cao hơn tỷ lệ nam ở 5 huyện ngoại thành. Cụ thể số cư dân nữ ở 5 huyện ngoại thành là 916.195 người; trong khi số cư dân nam ở 5 huyện ngoại thành là 855.165 người, có thể thấy tỷ lệ là 1: 0,93; nói cách khác, tính theo tỷ lệ phần trăm thì nữ là 52% và nam là 48%. Trong khi đó, nếu xét theo từng địa bàn nghiên cứu, số lượng nữ tham gia trả lời ở các huyện không có sự chênh lệch đáng kể. Ngoài ra, từ cách chia nhóm theo giới tính cho thấy

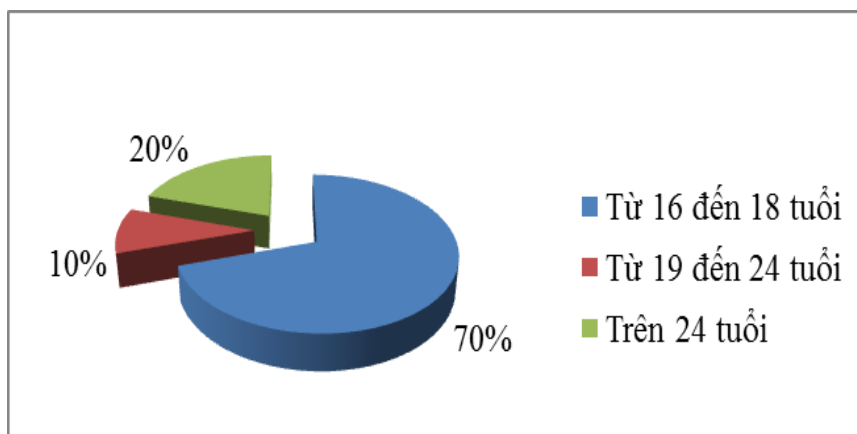
tỷ lệ nữ cao hơn dẫn đến kết quả dự đoán của việc chọn lựa các ngành nghề phù hợp sẽ có khuynh hướng có các ngành nghề khá đặc thù dành cho phụ nữ sẽ được chọn lựa nhiều hơn (bảng 1).

**BẢNG 1.** Giới tính của NTL theo địa bàn nghiên cứu

|           |     |         | Địa bàn nghiên cứu |        |            |         |        |
|-----------|-----|---------|--------------------|--------|------------|---------|--------|
|           |     |         | Cần Giờ            | Nhà Bè | Bình Chánh | Hóc Môn | Củ Chi |
| Giới tính | Nam | (người) | 33                 | 26     | 27         | 28      | 38     |
|           | Nữ  | (người) | 67                 | 74     | 73         | 72      | 62     |

**Đặc điểm về độ tuổi:** Độ tuổi trung bình của người tham gia trả lời hơn 19 tuổi (mean = 19.78). Trong đó, chúng tôi chia làm ba nhóm: (1) từ 16 đến 18 tuổi, được xem như là độ tuổi vẫn còn đi học ở bậc phổ thông trung học (từ lớp 10 đến lớp 12); (2) từ 19 tuổi đến 24 tuổi, được xem như là độ tuổi đã bắt đầu có sự tham gia trực tiếp vào thị trường lao động với 2 nhóm cơ bản; (3) trên 24 tuổi (cụ thể từ 25 đến 30 tuổi), được xem là giai đoạn bắt đầu ổn định công việc, trực tiếp tham gia vào thị trường lao động và thực hiện công việc theo sự phân công lao động của xã hội thông qua các nghề nghiệp mà họ đã chọn lựa, để làm hoặc được đào tạo để có kỹ năng và nghiệp vụ trong công việc cụ thể. Nhóm 1 gồm những thanh niên không muốn tiếp tục đi học ở bậc cao hơn như cao đẳng, đại học... mà chuyển sang học nghề với thời gian đào tạo ngắn hạn và ngay sau đó đi tìm việc làm. Trong khi đó, nhóm hai là nhóm gồm những thanh niên khác vẫn tiếp tục việc học ở bậc cao hơn là cao đẳng, đại học hoặc sau đại học, trong thời gian học tập, họ có thể kết hợp vừa đi làm vừa đi học.

Dựa vào kết quả khảo sát, số lượng NTL ở độ tuổi từ 15 đến 18 chiếm tỷ lệ cao nhất và gấp 2 lần tổng số NTL ở 2 nhóm tuổi còn lại. Như vậy, NTL trong cuộc khảo sát này đa phần vẫn còn đi học. Số lượng tốt nghiệp đại học và sau đại học tham gia vào thị trường lao động chiếm 20% trong tổng số NTL (Hình 1).



**Hình 1.** Biểu đồ độ tuổi của NTL

**Đặc điểm về trình độ học vấn:** Trình độ học vấn trung bình của NTL tại thời điểm khảo sát là lớp 12. Trong đó, tỷ lệ người có trình độ sau đại học và biết đọc biết viết thì bằng nhau. 74% NTL có trình độ học vấn ở cấp 3. Kết quả này tương ứng với độ tuổi từ

15 đến 18 tuổi kể trên. Bên cạnh đó, kết quả này cũng góp phần phản ánh tính đặc trưng của đề tài là tập trung tìm hiểu về xu hướng lựa chọn nghề nghiệp dành cho đối tượng là thanh thiếu niên (hình 2). Trong đó, huyện Hóc Môn là nơi có số lượng NTL đạt trình độ học vấn trên cấp 3 cao nhất. Tiếp đó là huyện Củ Chi. Trái lại ở các huyện Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ không có số lượng NTL đạt trình độ Sau Đại học, tỷ lệ người có trình độ Trung cấp/Cao đẳng/Đại học chiếm tỷ lệ không đáng kể.

**Đặc điểm về dân tộc – tôn giáo:** 98.8% NTL là dân tộc Kinh, tỷ lệ còn lại gồm dân tộc Hoa và Khmer. Như vậy, tỷ lệ này góp phần giải thích không thể so sánh sự khác biệt trong xu hướng lựa chọn nghề nghiệp theo dân tộc. Riêng đối với tôn giáo, có 76.8% NTL không theo bất kỳ loại hình tôn giáo nào, 24.2% số còn lại theo các loại hình tôn giáo như Phật giáo, Thiên chúa, Tin Lành và Cao Đài. Trong đó, Phật giáo chiếm tỷ lệ cao nhất với 19.2% hơn ½ trong tổng số NTL.

### 3.2 Các xu hướng chọn nghề của thanh niên ngoại thành TP.HCM

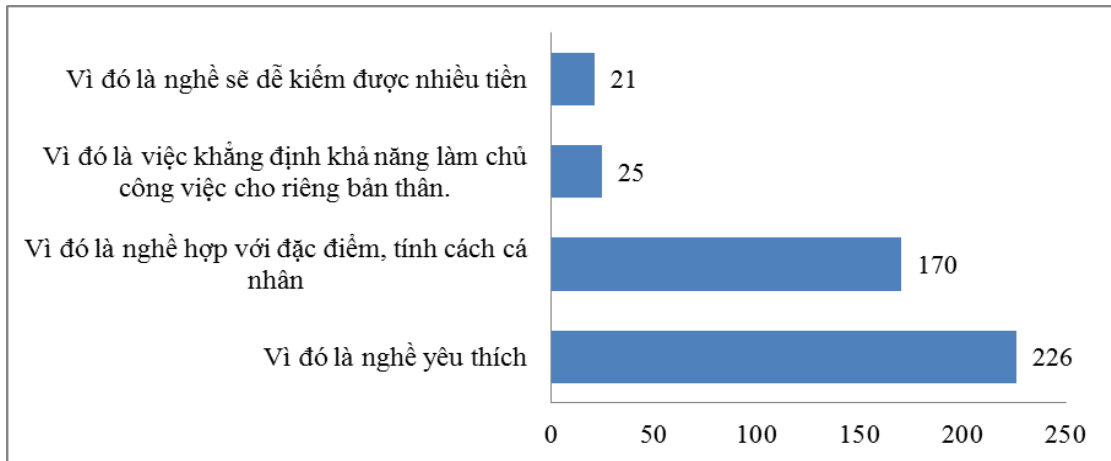
Dựa vào kết quả khảo sát, hầu hết thanh niên ngoại thành đều có xu hướng lựa chọn 15 nhóm ngành nghề sau đây: ngành du lịch, giáo dục, luật, y, dược, kinh doanh thương mại, tài chính ngân hàng, quản trị, nghệ thuật, công nghệ thông tin, thiết kế, kỹ sư, biên phiên dịch, công tác xã hội và quản lý nhà nước-hành chính công. Trong đó, 03 nhóm ngành được nhiều sự lựa chọn của NTL là ngành du lịch, giáo dục và luật có 35.3% NTL chọn ngành du lịch gồm các công việc như: hướng dẫn viên du lịch, quản trị nhà hàng khách sạn, quản trị du lịch lữ hành, phục vụ, đầu bếp và tiếp viên hàng không. Riêng đối với ngành giáo dục, số lượng NTL lựa chọn ngành nghề này gấp đôi số lượng người lựa chọn ngành luật gồm các nghề như luật sư, cảnh sát nhân dân và công an với tỷ lệ tương ứng là 28% và 14.3%. Xét theo giới tính, NTL nữ có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai là ngành Du lịch. Tuy nhiên, không có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc lựa chọn nhóm ngành Du lịch này. Bên cạnh đó, theo đặc điểm địa bàn thì NTL ở huyện Nhà Bè có xu hướng lựa chọn ngành Du lịch cao hơn tất cả các huyện khác nói chung và các nhóm ngành trong huyện nói riêng. Trong khi đó, số NTL ở huyện Cần Giờ lại chọn ngành Giáo dục là ngành nghề tương lai.

**BẢNG 2.** Tương quan về giới trong việc chọn lựa nhóm ngành

|  |     |       | Nhóm nghề <sup>a</sup>  |   |  | Tổng cộng |
|--|-----|-------|---|---|--|-----------|
|  |     |       | Ngành Du lịch (Quản trị khách sạn nhà hàng, Hướng dẫn viên, Phục vụ bàn, Đầu bếp, Lễ tân, Tiếp viên hàng không) | Ngành Giáo dục (giáo viên, giảng viên, huấn luyện viên) | Ngành Luật (cảnh sát nhân dân, công an và luật sư) |           |
| Giới tính  | Nam | Người | 40  | 21  | 17   | 59        |
|  | Nữ  | Người | 76  | 71  | 30   | 152       |
| Tổng cộng  |     | Người | 116   | 92  | 47   | 211       |
| Percentages and totals are based on respondents. |     |       |   |   |  |           |
| a. Dichotomy group tabulated at value 1.         |     |       |   |   |  |           |

Theo kết quả khảo sát cho thấy xu hướng chọn nghề của thanh niên ngoại thành của TP.HCM gồm các xu hướng chủ yếu sau: (1) chọn nghề bản thân yêu thích; (2) chọn nghề

hợp với đặc điểm, tính cách cá nhân; (3) chọn nghề khẳng định khả năng làm công việc cho riêng bản thân và (4) chọn nghề dễ kiếm nhiều tiền.



Hình 2. Biểu đồ lý do chủ yếu tác động đến lựa chọn nghề nghiệp của NTL

Trong đó, số lượng NTL cho rằng việc lựa chọn nghề phải phù hợp với sở thích bản thân chiếm  $\frac{3}{4}$  trong tổng số NTL. Bên cạnh đó, những nghề nghiệp mang tính khẳng định khả năng của bản thân cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể với 34.3% trong tổng số 500 người tham gia trả lời. Kết quả này góp phần khẳng định xu hướng khởi nghiệp của giới trẻ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Ngoài ra, sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL còn có nhiều xu hướng khác như: nghề được dự báo rằng xã hội có nhu cầu sử dụng cao, được xã hội tôn trọng và phù hợp với mức sống của gia đình.

Xét về yếu tố giới, hơn 50% NTL là nữ lựa chọn công việc dựa vào tiêu chí nghề yêu thích và hợp với đặc điểm cá nhân. Ngoài ra, nữ thanh niên có xu hướng lựa chọn những nghề có khả năng khẳng định bản thân và dễ kiếm nhiều tiền. Trái lại, đối với những nghề nghiệp mang tính gia truyền thì không được sự quan tâm của NTL. Đặc biệt, mặc dù số lượng nữ tham gia vào đề tài chiếm hơn  $\frac{3}{4}$  tổng số NTL nên kết quả khảo sát các xu hướng lựa chọn nghề nghiệp tập trung chủ yếu vào nữ giới nhưng khi xem xét xu hướng lựa chọn nghề nghiệp do sự tác động bởi nghề gia truyền thì không có sự khác biệt giữa nam và nữ vì tỷ lệ người tham gia trả lời ý kiến này thì như nhau. Kết quả này cũng tương tự khi nhìn vào số liệu tổng quát đã được đề cập ở trên (bảng 3) Mặc dù vậy, kết quả cũng chỉ ra rằng không có mối tương quan giữa giới tính và lý do quan trọng nhất tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp. Tương tự với giới tính, kết quả cho thấy không có sự khác biệt giữa các độ tuổi và trình độ học vấn của NTL khi họ lựa chọn nghề nghiệp yêu thích.

BẢNG 3. Lý do quan trọng nhất tác động đến lựa chọn nghề nghiệp của NTL

|  |   | Giới tính |       |
|--|---|-----------|-------|
|  |   | Nam       | Nữ    |
|  |   | Người     | Người |
|  | Vì đó là nghề yêu thích                           | 68        | 158   |
|  | Vì đó là nghề hợp với đặc điểm, tính cách cá nhân | 52        | 118   |
|  | Vì đó là nghề truyền thống của gia đình           | 2         | 4     |

|  |    |    |
|--|----|----|
| Vì đó là nghề truyền thống của địa phương                                  | 0  | 0  |
| Vì đó là nghề được dự báo rằng xã hội sẽ có nhu cầu sử dụng lao động nhiều | 4  | 13 |
| Vì đó là nghề sẽ dễ kiếm được nhiều tiền                                   | 5  | 16 |
| Vì đó là nghề sẽ được xã hội coi trọng                                     | 1  | 3  |
| Vì đó là nghề mà bố mẹ yêu cầu phải làm                                    | 1  | 4  |
| Vì đó là nghề dễ học để biết việc  | 1  | 0  |
| Vì đó là nghề học được nhanh   | 0  | 0  |
| Vì đó là nghề ít tốn tiền để học   | 1  | 3  |
| Vì đó là nghề hợp với mức sống của gia đình                                | 4  | 9  |
| Vì đó là việc khẳng định khả năng làm chủ công việc cho riêng bản thân     | 10 | 15 |
| Khác   | 3  | 5  |

Tương tự, kết quả cũng cho thấy số lượng người đề cập đến xu hướng lựa chọn nghề nghiệp theo sở thích bản thân ở huyện Cần Giò và Nhà Bè là cao nhất. Trong khi đó, ở huyện Bình Chánh, tổng số lượt lựa chọn nghề vì dễ kiếm nhiều tiền cao hơn các huyện còn lại. Đặc biệt, chỉ có 1 lượt lựa chọn nghề vì mong muốn lưu truyền nghề truyền thống của địa phương tại huyện Cần Giò. Khi tiến hành kiểm định sự tương quan trong lý do quan trọng nhất tác động đến lựa chọn nghề nghiệp tại 5 huyện, kết quả cho thấy có tương quan trong lựa chọn giữa các huyện với ( $p = 0.03$ ). Tuy nhiên, kết quả lại có quá 20% số ô trong bảng chéo có tần suất mong đợi dưới 5 nên giá trị Chi-square không đáng tin cậy. Như vậy, chúng ta chưa thể kết luận về mối tương quan giữa địa bàn và lý do quan trọng nhất tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp.

| Chi-Square Tests  |                     |    |                       |
|---|---------------------|----|-----------------------|
|   | Value               | Df | Asymp. Sig. (2-sided) |
| Pearson Chi-Square  | 81.918 <sup>a</sup> | 44 | .000                  |
| Likelihood Ratio  | 94.903              | 44 | .000                  |
| Linear-by-Linear Association  | 8.949               | 1  | .003                  |
| N of Valid Cases  | 500                 |    |                       |
| a. 45 cells (75.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is .20. |                     |    |                       |

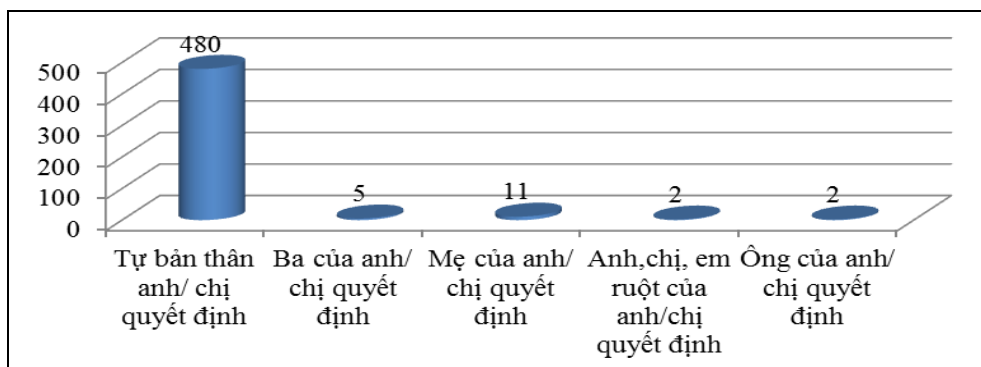
### 3.3 Các yếu tố tác động đến xu hướng chọn nghề của thanh niên ngoại thành TP.HCM

#### 3.3.1. Mạng lưới xã hội

**Gia đình:** Theo kết quả thống kê, yếu tố gia đình (người trong gia đình như ba, mẹ, ông bà và anh chị em ruột) đã có tác động đến xu hướng chọn nghề của thanh niên tại 5 huyện ngoại thành. Tuy nhiên, tỷ lệ này không đáng kể chỉ chiếm khoảng 4%. Trong đó, mẹ là người được xem là có ảnh hưởng nhiều đến sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL. 96% NTL cho rằng họ tự quyết định nghề nghiệp mà họ mong muốn. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa nam và nữ trong quá trình quyết định lựa chọn nghề nghiệp ( $p = 0.31 > 0.05$ ). Tương tự với giới tính, kết quả cũng cho thấy không có sự khác biệt giữa các huyện, độ tuổi hay trình độ học vấn của NTL khi họ quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

| Chi-Square Tests             |                    |    |                       |
|------------------------------|--------------------|----|-----------------------|
|                              | Value              | Df | Asymp. Sig. (2-sided) |
| Pearson Chi-Square           | 5.944 <sup>a</sup> | 4  | .203                  |
| Likelihood Ratio             | 6.167              | 4  | .187                  |
| Linear-by-Linear Association | 1.015              | 1  | .314                  |
| N of Valid Cases             | 500                |    |                       |

a. 7 cells (70.0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is .61.



Hình 3. Biểu đồ người quyết định việc lựa chọn nghề nghiệp

Mặc dù nguồn thông tin tham khảo từ gia đình và mức độ can thiệp của gia đình trong vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của NTL không cao nhưng mức sống gia đình cũng góp phần ảnh hưởng đến sự lựa chọn của họ với mean = 3.48. Những yếu tố khác như nghề truyền thống của gia đình, kinh nghiệm chuyển đổi nghề nghiệp của gia đình và kinh nghiệm từ những người họ hàng trong gia đình không ảnh hưởng nhiều đến quyết định nghề nghiệp của NTL vì mức độ ảnh hưởng từ 2.15 đến 2.53 điểm, tương ứng mức “khá không ảnh hưởng”.

BẢNG 4. Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL

|  | Hoàn toàn không ảnh hưởng | Khá không ảnh hưởng | Bình thường | Khá ảnh hưởng | Hoàn toàn ảnh hưởng mạnh nhất | Mean |
|--|---------------------------|---------------------|-------------|---------------|-------------------------------|------|
| Mức sống của gia đình  | 47                        | 52                  | 138         | 141           | 122                           | 3.48 |
| Truyền thống nghề của gia đình   | 197                       | 122                 | 123         | 27            | 31                            | 2.15 |
| Kinh nghiệm chuyển đổi nghề nghiệp của gia đình" đến quyết định chọn nghề (nếu có) trong quá trình từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp đô thị hóa. | 108                       | 80                  | 137         | 48            | 29                            | 2.53 |
| Kinh nghiệm của họ hàng, bà con đến quyết định chọn nghề   | 157                       | 137                 | 137         | 52            | 17                            | 2.27 |



*Bạn bè:* Dựa theo kết quả nghiên cứu, có 12.6% NTL tham khảo ý kiến của bạn bè khi quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Do đó, mức độ ảnh hưởng của nguồn thông tin này đến quyết định của họ dường như không có ảnh hưởng vì giá trị trung bình của mức độ ảnh hưởng đạt 2.31 điểm.

*Địa phương:* Không một NTL nào cho rằng sự lựa chọn nghề nghiệp của họ là muốn lưu giữ nghề truyền thống địa phương. Chính vì vậy, mức độ ảnh hưởng của nghề truyền thống thì khá thấp, đúng hơn là khá không ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn công việc của NTL. Tuy nhiên, xu hướng chọn nghề của cộng đồng lại có một ít tác động đến sự lựa chọn của họ. Hay nói cách khác, có 99 NTL cho rằng sự lựa chọn nghề nghiệp của họ là theo xu hướng của cộng đồng xung quanh.

### 3.3.2. Yếu tố truyền thông

Hơn 70% trong tổng số NTL cho rằng nguồn thông tin tham khảo chủ yếu khi lựa chọn nghề nghiệp là từ các phương tiện truyền thông đại chúng. Kết quả này cũng phản ánh yếu tố tự quyết định nghề nghiệp của bản thân đã được đề cập ở trên. Ngoài ra hai kênh tham khảo dành cho các thanh niên khi lựa chọn nghề nghiệp là những lời tư vấn của thầy cô tại trường Trung học Phổ thông và của các tư vấn viên trong chương trình tư vấn tuyển sinh do các trường Đại học tổ chức với tỷ lệ phần trăm tương ứng là 37.8% và 35.6% trong tổng số NTL. Nguồn thông tin từ gia đình chiếm khoảng 1/4 trong tổng số NTL (bảng 5).

**BẢNG 5.** Nguồn thông tin tham khảo khi lựa chọn nghề nghiệp

|                              |  | Lựa chọn |                 | Phần trăm trên tổng các trường hợp trả lời |
|------------------------------|--|----------|-----------------|--|
|                              |  | Người    | Tỷ lệ phần trăm |  |
| Nguồn thông tin <sup>a</sup> | Tự xem, nghe trên các báo in, đài phát thanh, truyền hình, báo online, mạng xã hội                               | 387      | 36.3%           | 77.4%                                      |
|                              | Nghe tư vấn của thầy cô từ trường Phổ thông  | 189      | 17.7%           | 37.8%                                      |
|                              | Nghe theo các tư vấn viên, thầy cô từ các trường Đại học trong các chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp. | 178      | 16.7%           | 35.6%                                      |
|                              | Nghe tư vấn của ba mẹ  | 139      | 13.1%           | 27.8%                                      |
|                              | Nghe tư vấn của anh chị em họ hàng   | 108      | 10.1%           | 21.6%                                      |
|                              | Nghe tư vấn của bạn bè   | 64       | 6.0%            | 12.8%                                      |
| <b>Tổng cộng</b>             |  | 1065     | 100.0%          | 213.0%                                     |

a. Dichotomy group tabulated at value 1.

Kết quả nghiên cứu cũng trình bày số lượt trả lời ở các huyện không có sự chênh lệch đáng kể. Cụ thể, NTL ở Nhà Bè và Củ Chi có xu hướng tự tham khảo thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng với tổng số lượt trả lời lần lượt là 87 và 80 lượt. Trong khi đó, tổng số NTL sử dụng lời tư vấn của thầy cô tại trường THPT và tại chương trình tư vấn tuyển sinh do các trường Đại học tổ chức tại huyện Cần Giờ và Bình Chánh cao hơn các huyện còn lại với tổng số lượt là 84 và 79. Riêng đối với nguồn thông tin từ gia đình, huyện Củ Chi và Cần Giờ có tổng số NTL cao hơn các huyện còn lại.

BẢNG 6. Nguồn thông tin tham khảo của NTL theo địa bàn nghiên cứu

|  |            | Nguồn thông tin <sup>a</sup>   |   |   |                            |                                    |                        | Tổng cộng |     |
|--|------------|--|---|---|----------------------------|------------------------------------|------------------------|-----------|-----|
|  |            | Tự xem, nghe trên các báo in, đài phát thanh, truyền hình, báo online, mạng xã hội | Nghe tư vấn của thầy cô từ trường Phổ thông | Nghe theo các tư vấn viên, từ chương trình tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp. | Nghe theo tư vấn của ba mẹ | Nghe tư vấn của anh chị em họ hàng | Nghe tư vấn của bạn bè |           |     |
| Địa bàn nghiên cứu                               | Cần Giờ    | Người  | 76  | 48  | 36                         | 31                                 | 32                     | 19        | 100 |
|  | Nhà Bè     | Người  | 87  | 38  | 37                         | 25                                 | 13                     | 0         | 100 |
|  | Bình Chánh | Người  | 74  | 45  | 34                         | 26                                 | 25                     | 14        | 100 |
|  | Hóc Môn    | Người  | 70  | 32  | 30                         | 25                                 | 16                     | 14        | 100 |
|  | Củ Chi     | Người  | 80  | 26  | 41                         | 32                                 | 22                     | 17        | 100 |
| <b>Tổng cộng</b>                                 |            | Người  | 387   | 189   | 178                        | 139                                | 108                    | 64        | 500 |
| Percentages and totals are based on respondents. |            |  |   |   |                            |                                    |                        |           |     |
| a. Dichotomy group tabulated at value 1.         |            |  |   |   |                            |                                    |                        |           |     |

Liên quan đến nhóm tuổi của NTL trong việc sử dụng nguồn thông tin tham khảo để quyết định lựa chọn nghề nghiệp mong muốn, kết quả cho thấy 56% NTL ở độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi có xu hướng tự tham khảo thông tin bằng các phương tiện truyền thông. Trong khi đó, nguồn tham khảo từ bạn bè của nhóm tuổi này chỉ chiếm 7,8%. Kết quả tương tự được tìm thấy trong hai nhóm độ tuổi còn lại. Riêng đối với nguồn thông tin tham khảo từ ba mẹ, những NTL ở độ tuổi từ 24 trở lên tham khảo nguồn từ ba mẹ gấp 3 lần những NTL ở độ tuổi từ 19 đến 24 tuổi (6.0% và 2.6%)

Như vậy, phương tiện truyền thông (báo in, báo mạng, phát thanh, truyền hình và mạng xã hội) được xem là một trong những kênh quan trọng tác động đến việc tự quyết định lựa chọn nghề nghiệp mong muốn của NTL ở 5 huyện ngoại thành. Trong đó, mức độ ảnh hưởng từ mạng xã hội như Facebook, Twitter, Zalo, Instagram...) và báo mạng thì ở mức bình thường với mean = 3.35 và 3.1. Trong khi đó, phát thanh thì khá không ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của NTL (mean=2.05). Nhìn chung, mặc dù phương tiện truyền thông tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL nhưng mức độ ảnh hưởng của từng loại hình truyền thông không thể hiện rõ. Đa phần NTL chỉ xác định là có ảnh hưởng nhưng ở mức bình thường.

BẢNG 7. Mức độ ảnh hưởng của từng loại hình truyền thông đến sự lựa chọn nghề

|                              | Hoàn toàn không ảnh hưởng | Khá không ảnh hưởng | Bình thường | Khá ảnh hưởng | Ảnh hưởng mạnh nhất | Mean |
|------------------------------|---------------------------|---------------------|-------------|---------------|---------------------|------|
| Mức độ ảnh hưởng_Báo in      | 107                       | 156                 | 173         | 53            | 11                  | 2.41 |
| Mức độ ảnh hưởng_Truyền hình | 76                        | 133                 | 169         | 95            | 27                  | 2.73 |
| Mức độ ảnh hưởng_Phát thanh  | 186                       | 154                 | 124         | 23            | 13                  | 2.05 |

|                              |    |    |     |     |     |      |
|------------------------------|----|----|-----|-----|-----|------|
| Mức độ ảnh hưởng_Báo mạng    | 58 | 89 | 169 | 111 | 73  | 3.1  |
| Mức độ ảnh hưởng_Mạng xã hội | 56 | 69 | 127 | 142 | 106 | 3.35 |

#### 4. Kết luận

Tóm lại, lựa chọn nghề nghiệp là một trong những khó khăn và thách thức lớn nhất trong cuộc đời của bất kỳ sinh viên nào. Nó liên quan đến sự tương tác của nhiều yếu tố phức tạp đan xen nhau. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy 03 nhóm ngành nghề phổ biến được NTL chọn lựa gồm những công việc trong ngành du lịch như: hướng dẫn viên du lịch, đầu bếp, quản trị nhà hàng khách sạn, quản trị du lịch và phục vụ. Nhóm ngành thứ hai là ngành giáo dục, điển hình như nghề giáo viên, giảng viên hoặc huấn luyện viên. Ngành thứ ba là ngành bao gồm các công việc như cảnh sát nhân dân, công an và luật sư. Các ngành nghề này có đặc điểm như sau: nghề phù hợp với sở thích cá nhân, với đặc điểm và tính cách của cá nhân, khẳng định được khả năng làm việc của bản thân và dễ kiếm nhiều tiền. Những xu hướng này do 2 yếu tố tác động: (1) mạng lưới xã hội và (2) phương tiện truyền thông. Trong đó, mạng lưới xã hội từ gia đình có sự tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL nhiều hơn là mạng lưới xã hội từ bạn bè và cộng đồng xung quanh. Kết quả này không tương đồng với một số nghiên cứu được tiến hành trước đây trên thế giới khi cho rằng việc đưa ra quyết định về nghề nghiệp chính là môi trường gia đình vì nó đặt nền tảng cho tính cách của một đứa trẻ. Những giá trị của cha mẹ được truyền sang cho con cái họ (James, 2000). Sự khác biệt này có thể do đặc thù về bối cảnh xã hội và đặc điểm nghề nghiệp của ba mẹ tại 5 huyện ngoại thành. Giả thiết ban đầu cho rằng những thanh niên có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp giống với bố mẹ hoặc tiếp tục theo nghề của bố mẹ để lưu giữ truyền thống, tuy nhiên kết quả của nghiên cứu này cho thấy có sự tương quan giữa hai yếu tố này. Bên cạnh gia đình, nhân tố quan trọng khác tác động tới lựa chọn nghề nghiệp chính là truyền thông. Đây là nguồn thông tin mà trẻ tiếp xúc ngay từ giai đoạn sớm nhất. Truyền thông nhấn mạnh những công việc cực khổ, những vấn đề toàn cầu, những xu hướng và thời trang, mô tả sự quyến rũ của văn hóa, và sự hào nhoáng của thế giới tiêu dùng. Hơn nữa, những chương trình nói chuyện trên truyền hình (talk show), phim tài liệu, phim ảnh và phim truyền hình miêu tả về những nghề như luật sư, chuyên gia truyền thông và quảng cáo là những nghề rất hấp dẫn, do đó thu hút nhiều sinh viên quan tâm tới những ngành này. Trong các phương tiện truyền thông thì báo mạng là một trong những kênh có tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp của NTL khá nhiều so với các loại hình khác.

Kết quả của cuộc nghiên cứu này có một phần tương tự với kết quả của Ozen (2011) và Ferry (2006) khi cho rằng mối quan hệ xã hội có một phần ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của họ. Bên cạnh đó, xu hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích bản thân, đặc điểm về tính cách của NTL cũng được tìm thấy tương tự trong các nghiên cứu ở nhiều quốc gia khác nhau (Alexander và nnk, 2011; Edward và Quinter, 2012; Fatima Abrahams và nnk, 2015; Shertzer và Stone, 2003; Zing, 2007). Nói một cách khác, có một sự tồn tại nhất định mối quan hệ giữa tính cách và sở thích nghề nghiệp của các

thanh niên bởi vì nhiều kết quả cho rằng trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, nhân cách đóng vai trò rất quan trọng; năng suất lao động, hoàn thành công việc và động lực làm việc liên quan trực tiếp tới cá nhân. Thiếu sự phù hợp có thể là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn tới sự thất vọng và kết thúc sự nghiệp trong căng thẳng và thất bại.

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia TP.HCM, Trường ĐH KHXH&NV, trong khuôn khổ đề tài NCKH, mã số đề tài T2018-12.

### **Tài liệu tham khảo:**

Cục Thống kê TPHCM (2018). *Niên giám thống kê 2017*, TPHCM.

Lê Thi (1999). *Việc làm, đời sống phụ nữ trong chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam năm 1999*. NXB Khoa học Xã hội.

Joy Hendry, C.W. Watson (2001). *An Anthropology of indirect communication*. Psychology Press.

Nguyễn Thị Lan Hương (2012). *Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn ngành Quản trị doanh nghiệp tại Trường Cao đẳng Kinh tế kế hoạch Đà Nẵng* (Luận văn thạc sĩ). Đại học Đà Nẵng.

Phạm Ngọc Linh (2013). *Tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông* (Luận án tiến sĩ). Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 12(15), 87-96.